

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 25-3-2021

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 836/2020/TLST-DS ngày 08/12/2020 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-DS ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Võ Văn Q, sinh năm 1977

2. Võ Thị Kim T, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Huỳnh Văn G, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ Z, ấp X, xã V, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Q, bà T có mặt, ông G vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn Q và bà Võ Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 08/9/2019 (AL) ông Võ Văn Q và bà Võ Thị Kim T có ký hợp đồng lợp mái ngôi nhà với ông Huỳnh Văn G với giá 500.000 đồng/m² và các điều kiện cụ thể theo hợp đồng. Ông G có nhận tiền cọc trước là 10.000.000 đồng.

Đến ngày 14/9/2019 (âm lịch) ông G tiếp tục nhận thêm 20.000.000 đồng. Ngày 06/10/2019 (dương lịch) ông G nói đang kẹt tiền nên chưa lấy ngôi được và tiếp tục nhận thêm 20.000.000 đồng. Đến ngày 19/9/2019 (âm lịch) ông G tiếp tục nhận thêm 70.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà ông G nhận của Ông Q và bà T là 120.000.000 đồng.

Từ ngày 21/10/2019 đến ngày 24/10/2019 ông G có tiến hành lợp phần xà gồ căn nhà, số tiền lợp xà gồ là 45.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2019 là ngày tốt nên ông G đem ngôi lên lợp, nhưng ngôi không đúng với ngôi mẫu đã đặt nên Ông Q và bà T yêu cầu ông G lấy đúng mẫu ngôi đã đặt để lợp và ông G đồng ý. Sau đó, Ông Q nhiều lần liên hệ ông G nhưng không được. Đến ngày 19/01/2020 (AL) Ông Q và bà T đến nhà ông G thương lượng, hai bên thống nhất đến ngày 25/01/2020 (AL) ông G sẽ làm hàng rào cho Ông Q để trừ vào số tiền 75.000.000 đồng, tiền còn dư sẽ trả lại cho Ông Q, nhưng ông G vẫn không thực hiện lời hứa.

Đến ngày 24/7/2020 ông G có làm tờ cam kết trả cho Ông Q và bà T số tiền 75.000.000 đồng vào cuối tháng 8/2020 (âm lịch).

Nay Ông Q và bà T khởi kiện yêu cầu ông G trả cho Ông Q và bà T số tiền 75.000.000 đồng như đã cam kết và tính lãi theo lãi suất ngân hàng vì tiền của anh Q vay ngân hàng để cất nhà.

Tại phiên tòa, Ông Q và Bà T thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông G trả cho Ông Q và bà T số tiền 75.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi do hợp đồng không có thỏa thuận về việc trả lãi và không xác định được số tiền lãi cụ thể là bao nhiêu.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/01/2021, ông Huỳnh Văn G trình bày:

Ông G có ký hợp đồng lợp mái ngôi với Ông Q và bà T với giá 500.000 đồng/m², đã nhận cọc 10.000.000 đồng, sau đó tiếp tục nhận thêm với tổng số tiền đã nhận là 120.000.000 đồng.

Ngày 21/10/2019 ông G có lợp phần xà gồ với số tiền 45.000.000 đồng. Tháng 07/2020, hai bên thống nhất ông G còn nợ Ông Q và bà T số tiền 75.000.000 đồng. Ông G cam kết sẽ làm hàng rào cho Ông Q để trừ vào số tiền 75.000.000 đồng, tiền còn dư sẽ trả lại cho Ông Q, nhưng ông G không thực hiện được do ông G nhận công trình khác và gặp sự cố ngoài ý muốn nên không còn tiền để trả như cam kết.

Nay ông G đồng ý trả cho Ông Q và bà T số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định đến khi trả xong nợ.

Ông Huỳnh Văn G không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CL phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Võ Văn Q và bà Võ Thị Kim T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự thi công. Bị đơn ông Huỳnh Văn G cư trú tại xã Mỹ Trà, thành phố CL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Huỳnh Văn G và ông G đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Võ Văn Q và bà Võ Thị Kim T yêu cầu ông Huỳnh Văn G trả nợ tiền nhận tạm ứng khi nhận thi công mái ngói của nhà Ông Q và bà T theo hợp đồng mái ngói không ghi ngày tháng năm và tờ cam kết ngày 24/7/2020 với số tiền là 75.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Xét Hợp đồng mái ngói không ghi ngày tháng năm và tờ cam kết ngày 24/7/2020 thể hiện ông Huỳnh Văn G có nhận tiền để thi công mái ngói nhà cho Ông Q và bà T số tiền 120.000.000 đồng, ông G đã thực hiện việc lợp xà gồ với số tiền 45.000.000 đồng, còn lại số tiền 75.000.000 đồng, ông G cam kết trả vào cuối tháng 8 năm 2020 (âm lịch) nhưng đã quá thời hạn này mà vẫn chưa trả. Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2021 thì ông G cũng đồng ý trả cho Ông Q và bà T số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mái ngói và tờ cam kết này do các bên tự nguyện xác lập và đủ điều kiện có hiệu lực nên buộc các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau. Ông G phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 75.000.000 đồng như đã cam kết cho Ông Q và bà T là phù hợp với các quy định tại Điều 117, 274, 275, 278, 280 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ông Q và bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ

án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 274, 275, 278, 280 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Q và bà Võ Thị Kim T.

Buộc ông Huỳnh Văn G có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn Q và bà Võ Thị Kim T số tiền 75.000.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn G phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn Q và bà Võ Thị Kim T được nhận tiền tạm ứng án phí là 1.875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007405 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân